

Bản án số: 16 /2021/ HSST  
Ngày: 02/ 02/ 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Nhật Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thanh Thu và ông An Văn Dương.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2020/ HSST ngày 22/12/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/ QĐXXST- HS ngày 22 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

**Họ và tên bị cáo:** Vũ Ngọc C, sinh năm 1994; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú hiện nay: Xóm Phú M, xã Yên P, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn P (đã chết) và bà Phạm Thị N; vợ, con: Chưa có.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, có mặt.

**- Người bị hại:** Chị Đinh Thị L; sinh năm 1986 và anh Vũ Việt L; sinh năm 1984; đều trú tại: Thôn Đông M, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thị N; sinh năm 1962; trú tại: Xóm Phú M, xã Yên P, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

**- Người làm chứng:** Anh Đinh Văn T; chị Lâm Thị Đ; chị Bùi Thị M; chị Lại Thị T; chị Lại Thị N; chị Nguyễn Thị Ánh T; chị Phạm Thị V; đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 5/2020, Vũ Ngọc C quen biết vợ chồng anh Vũ Việt L, sinh năm 1984, chị Đinh Thị L, sinh năm 1986, có hộ khẩu thường trú tại thôn Trại, xã Khánh C, huyện Yên Khánh. Hiện anh L, chị L đang thuê trọ và trú tại thôn Đông M, xã Khánh H, huyện Yên Khánh. C biết vợ chồng anh L, chị L đang có nhu cầu vay tiền để trả nợ nên nảy sinh ý định lợi dụng việc này để lừa đảo chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh L, chị L. C nói dối hiện C là cán bộ Phòng giao dịch Yên Khánh thuộc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình và có thể giúp vợ chồng anh L, chị L vay tiền ngân hàng.

Sau đó, C gặp trực tiếp và dùng điện thoại di động có sim thuê bao số 038672453.. đăng ký tài khoản Zalo “Vũ C Chào buổi sáng” (Hiện thị trên Zalo của chị L là “C KH Viettin Bank”) nhắn tin đến tài khoản Zalo “Đinh Thị L” của chị L nói chuyện về việc làm thủ tục vay hộ tiền cho vợ chồng chị L. Chị L nói hiện tại bà đồ chị L đang thế chấp để vay tiền tại phòng giao dịch Khánh An thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Khánh. C nói, không cần bà đồ, C có thể giúp vợ chồng chị L vay tiền bằng hình thức vay “Kế doanh nghiệp”, C sẽ sử dụng mối quan hệ công việc của C tại Ngân hàng để giúp vợ chồng chị L vay kế vào khoản vay của một doanh nghiệp nào đó với điều kiện vợ chồng chị L phải có thu nhập hàng tháng. Chị L nhờ C làm thủ tục vay tiền, C nói có thể giúp vợ chồng chị L vay số tiền khoảng 500.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Yên Khánh - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình.

Ngày 18/5/2020, C nhắn tin đến tài khoản Zalo của chị L thúc giục chị L đưa tiền cho C để C mở tài khoản mang tên anh L tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và chuyển tiền vào tài khoản để chứng minh thu nhập, làm thủ tục vay tiền. Chị L nói hiện tại chưa lo kịp tiền, C nói dối sẽ ứng ra 18.000.000 đồng để chuyển tiền vào tài khoản mang tên anh L, sau đó chị L phải trả lại cho C, chị L tin tưởng đồng ý. Ngày 19/5/2020, khi C đến nhà, chị L đã đưa cho C số tiền 18.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được của chị L, C đã đem tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi đưa tiền cho C, chị L liên lạc hỏi về việc vay tiền, C nói dối chưa vay được, với mức thu nhập là 18.000.000 đồng thì chỉ vay được khoảng 200.000.000 đồng. Nếu vợ chồng chị L muốn vay nhiều tiền hơn thì phải đưa thêm tiền cho C để chuyển vào tài khoản chứng minh mức thu nhập hơn 30.000.000 đồng/tháng. Do tin tưởng C, cuối tháng 5/2020, khi C đến nhà, chị L đã đưa thêm cho C 13.000.000 đồng, cộng với 18.000.000 đồng chị L đưa trước đó chị L nhờ C chuyển vào tài khoản tổng cộng 31.000.000 đồng để làm thủ tục vay tiền. Số tiền 13.000.000 đồng chị L đưa, C đã đem tiêu sài cá nhân hết.

Biết vợ chồng anh L, chị L đang nợ khoảng 1.000.000.000 đồng, trong đó đang thế chấp quyền sử dụng đất để vay số tiền 200.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Khánh An, thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Yên Khánh nên C nảy sinh ý định tiếp tục chiếm đoạt thêm tiền của vợ chồng anh L, chị L. C nói với chị L có thể giúp vợ chồng chị L vay số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để Ngân hàng kiểm tra, chị L phải đưa cho C 200.000.000 đồng để C nộp vào Phòng giao dịch Khánh An, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng Công thương

kiểm tra, sau đó lại giao lại bì đỏ và lấy lại số tiền 200.000.000 đồng. Chị L nói không có đủ tiền như C yêu cầu thì C nói dối sẽ cho chị L vay 120.000.000 đồng, cộng với số tiền 31.000.000 đồng chị L đã 02 lần đưa cho C và 6.000.000 đồng C còn nợ chị L trước đó thì chị L chỉ phải đưa cho C 43.000.000 đồng là đủ 200.000.000 đồng để C đi nộp tiền lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị L tưởng thật đồng ý. Sáng ngày 01/6/2020, khi C đến nhà, anh L đã đưa cho C 24.000.000 đồng; tối cùng ngày, chị L đưa thêm cho C số tiền 20.000.000 đồng để C làm thủ tục vay vốn ngân hàng.

Sau khi đưa tiền cho C, anh L, chị L nhiều lần thúc giục nhưng C lấy lý do chưa làm xong thủ tục để vay tiền. Do có nợ tiền của anh Đinh Văn T, sinh năm 1994, trú tại xóm 1, xã Kim M, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, khoảng ngày 15/6/2020, chị L nói C lấy 50.000.000 đồng từ số tiền vợ chồng anh L, chị L đã đưa để trả nợ cho anh T. C nói để C chuyển khoản cho anh T. Để chị L tin là đã chuyển tiền, C lên mạng xã hội Facebook tìm hiểu và nhờ một người làm giả hình ảnh hóa đơn đã chuyển số tiền 52.000.000 đồng từ ngân hàng BIDV đến tài khoản tại ngân hàng Viettinbank của anh T. C mua 01 sim điện thoại di động có số thuê bao 097402182.. rồi đưa cho một người phụ nữ (C khai không quen biết, chỉ gặp người này một lần ở phường Đông S, thành phố Tam Điệp) dặn nếu ai gọi điện thoại hỏi thì nói tên là H, làm ở Phòng giao dịch Tam Điệp ngân hàng BIDV và C có nhờ chuyển hộ số tiền 52.000.000 đồng cho anh T. Sau đó, C gửi hình ảnh hóa đơn chuyển tiền và số điện thoại cho chị L nói đã nhờ bạn là H làm ở ngân hàng BIDV chuyển cho anh T số tiền 52.000.000 đồng.

Không thấy anh T nhận được tiền, anh L, chị L nghi ngờ tìm hiểu thì biết C không phải là cán bộ ngân hàng, vợ chồng anh chị bị C lừa đảo chiếm đoạt tiền nên yêu cầu C trả lại tiền, C đã viết “Giấy hẹn trả tiền” trong đó thừa nhận đã lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh L, chị L số tiền 82.000.000 đồng (Do tính toán sai nên C viết nhầm, thực tế số tiền C chiếm đoạt của anh L, chị L là 81.000.000 đồng). Sau đó, không thấy C trả tiền như đã hẹn, anh L, chị L đã tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Vũ Ngọc C đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của vợ chồng anh L, chị L 01 “Giấy hẹn trả tiền” và quyết định trưng cầu giám định chữ viết. Tại kết luận giám định số 35/KLGĐ – PC09 – TL ngày 13/8/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Chữ ký dạng chữ viết, chữ viết mang tên Vũ Ngọc C trên tài liệu cần giám định (Giấy hẹn trả tiền) so với chữ ký, chữ viết của Vũ Ngọc C trên các tài liệu so sánh là do cùng 01 người ký, viết ra.

Tại Công văn số 268 ngày 06/8/2020, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình xác định: Phòng giao dịch Yên Khánh - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình không có cán bộ, nhân viên hay cộng tác viên nào là Vũ Ngọc C, sinh năm 1993, trú tại xóm Phú M, xã Yên P, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Trong thời gian tháng 5, 6, 7/2020, Phòng giao dịch Yên Khánh - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Ninh Bình không mở tài khoản nào mà chủ tài khoản tên Vũ Việt L.

Quá trình điều tra, Vũ Ngọc C đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên, đã tác động để mẹ là bà Phạm Thị N bồi thường cho vợ chồng anh L, chị L số tiền 45.000.000 đồng.

Đối với người đã làm giả hình ảnh hóa đơn chuyển tiền và người phụ nữ C nhờ nói dối đã giúp C chuyển tiền cho anh T, quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được là ai, ở đâu nên không có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Việt L, chị Đinh Thị L đã nhận số tiền 45.000.000 đồng (do bà Phạm Thị N bồi thường thay cho C) và yêu cầu Vũ Ngọc C phải bồi thường số tiền còn lại là 36.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Vũ Ngọc C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 có số Imei: 359480080580062, lắp sim thuê bao số 035236669... Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã ra quyết định chuyển vật chứng trên đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh để quản lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKSYK ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Vũ Ngọc C, ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc C với mức án từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 09/9/2020.
- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với anh L, chị L: Bị cáo C có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh L, chị L số tiền 36.000.000 đồng và bồi thường thêm thiệt hại khác số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền là 44.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 có số Imei: 359480080580062 (được niêm phong trong 01 phong bì).

Tịch tiêu hủy 01 chiếc sim bao số 0352366693 (được lắp trong điện thoại Iphone 6 đã thu giữ của bị cáo).

Tại phiên tòa người bị hại là anh L, chị L xác định sự việc bị chiếm đoạt tài sản như bị cáo đã khai nhận và nhất trí việc bị cáo bồi thường thêm số tiền 8.000.000 đồng, tổng là 44.000.000 đồng, ngoài ra anh chị không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị N xác định đã bỏ ra số tiền bồi thường thay cho bị cáo, nay bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Người làm chứng vắng mặt, song tại cơ quan điều tra đã có lời khai, xác định nội dung sự việc như bị cáo khai là đúng.

Lời nói sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Khánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Vũ Ngọc C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian quen biết với anh L, chị L, bị cáo biết được anh L chị L đang cần vay tiền để làm ăn và trả nợ, để tạo được lòng tin bị cáo đã nói dối mình là cán bộ ngân hàng Vietinbank chi nhánh huyện Yên Khánh, sẽ giúp được chị L, anh L vay vốn không cần thế chấp, sau khi tạo được lòng tin bị cáo đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền cụ thể:

Lần thứ nhất: Bị cáo nói với chị L muốn vay 500.000.000 đồng theo hình thức vay đồ lương ké doanh nghiệp, thì phải có lương hàng tháng từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng, sau khi vay được tiền thì rút số tiền này ra, chị L nhất trí, bị cáo nói sẽ mở tài khoản ở ngân hàng mang tên anh L. Do vậy ngày 19/5/2020 chị L đã đưa cho bị cáo 18.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Để tiếp tục chiếm đoạt được tiền, bị cáo nói với chị L với mức lương 18.000.000 đồng thì chỉ vay được 200.000.000 đồng, muốn vay hơn thì mức lương phải trên 30.000.000 đồng, chị L nhất trí nên vào cuối tháng 5/2020 tại nhà chị L đưa thêm cho bị cáo số tiền 13.000.000 đồng, bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ ba: Bị cáo biết chị L đang nợ khoảng 1.000.000.000 đồng và đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ngân hàng nông nghiệp huyện Yên Khánh, nên bị cáo nói với chị L có thể vay được 1.000.000.000 đồng, chị L phải đưa cho bị cáo 200.000.000 đồng để bị cáo nộp vào Phòng giao dịch Khánh An, lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng Công thương kiểm tra, sau đó lại giao lại bìa đỏ và lấy lại số tiền 200.000.000 đồng. Chị L nói không có đủ tiền thì bị cáo nói dối sẽ cho chị L vay 120.000.000 đồng, cộng với số tiền 31.000.000 đồng chị L đã đưa và cộng với 6.000.000 đồng bị cáo còn nợ chị L, chị L chỉ phải đưa cho bị cáo 43.000.000 đồng là đủ 200.000.000 đồng. Chị L đồng ý sáng ngày 01/6/2020, khi bị cáo đến nhà, anh L đã đưa 24.000.000 đồng; tối cùng ngày, chị L đưa thêm cho bị cáo

số tiền 20.000.000 đồng để làm thủ tục vay vốn ngân hàng. Qua 03 lần dùng thủ đoạn gian dối bị cáo đã chiếm đoạt với tổng số tiền 81.000.000 đồng. Sau khi không vay được tiền bị cáo đưa ra nhiều lý do, khi bị phát hiện bị cáo đã thừa nhận việc lừa đảo và viết giấy nợ hẹn trả tiền cho chị L, anh L.

[3] Hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn huyện Yên Khánh. Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo qua 3 lần để chiếm đoạt tiền của chị L, anh L đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên. Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 81.000.000 đồng đây là tình tiết định khung hình phạt theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường một phần hai số tiền đã chiếm đoạt, để khắc phục hậu quả cho người bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất hành vi của bị cáo mới đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6] Về các biện pháp tư pháp - Trách nhiệm dân sự - Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47; 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các Điều 357; 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo Vũ Ngọc C có trách nhiệm bồi thường tiếp cho anh L, chị L số tiền 36.000.000 đồng và bồi thường thêm thiệt hại khác số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền là 44.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N đã bỏ số tiền 45.000.000 đồng để bồi thường thay cho bị cáo, nay bà không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 có số Imei: 359480080580062

đã thu giữ của bị cáo là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước (được niêm phong trong 01 phong bì). Cần tịch tiêu hủy 01 chiếc sim bao số 0352366693 (được lắp trong điện thoại Iphone 6 đã thu giữ của bị cáo).

[7] Về án phí: Bị cáo C là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự và nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Căn cứ các Điều 357; 584; 585; 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Căn cứ Điều 47; 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Ngọc C 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 09 tháng 9 năm 2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận việc bị cáo Vũ Ngọc C có trách nhiệm bồi thường tiếp cho chị Đinh Thị L và anh Vũ Việt L số tiền 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng chẵn).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 có số Imei: 359480080580062 đã thu giữ của bị cáo là phương tiện phạm tội (được niêm phong trong 01 phong bì).

Tịch tiêu hủy 01 chiếc sim bao số 0352366693 (được lắp trong điện thoại Iphone 6 đã thu giữ của bị cáo). Vật chứng có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/12/2020 giữa Công an huyện Yên Khánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Ngọc C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và nộp 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Bị cáo; Người bị hại, Người CQLNVLQ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung.**